TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19/8/2022.
" V/v tranh chấp hôn nhân gia đình – Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Cẩm Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Duy Oanh - Ông Nguyễn Phát Triển.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Trần Thị Mỹ Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại phòng xử án của Toà án nhân dân huyện Lai Vung, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 80/2022/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 5 năm 2022, về việc "tranh chấp hôn nhân gia đình – Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33A/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 3/8/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1985; Địa chỉ: 4, ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Đặng Minh L, sinh năm 1981; Địa chỉ: 6, ấp T, xã P, huyện L, Đồng Tháp.

Chị Nguyễn Thị Mộng T và anh Đặng Minh L cùng có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 5/4/2022; Các tự khai, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn Nguyễn Thị Mộng T trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2012, chị và anh Đặng Minh L có tìm hiểu với nhau trước khi kết hôn, sau đó tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L vào ngày 14/01/2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian, đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cải,cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, chị và anh L đã ly thân từ đó đến nay. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L không có con chung.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Đặng Minh L trình bày tại Tờ tự khai ngày 01/7/2022 như sau:

Về hôn nhân: Anh thống nhất lời trình bày của chị T là đúng, hiện nay anh không còn tình cảm với chị T nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị T không có con chung.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Mộng T yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Minh L, con chung không có, không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ. Chị T và anh L cùng cư trú tại huyện L và các yêu cầu khởi kiện của chị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị Mộng T và anh Đặng Minh L cùng có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn, theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị T và anh L kết hôn vào năm 2013, đến ngày 14/01/2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, tuy nhiên quá trình chung sống giữa chị T và anh L phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020 và đã ly thân với nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cự cải, không hạnh phúc. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh L là trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, chị T và anh L cùng đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh L, theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Hội đồng xét xử xét thấy, chị T và anh L không có con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản: Chị T và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị T và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ, phù hợp với khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mộng T và anh Đặng Minh L cùng đồng ý thuận tình ly hôn.

Về án phí và tạm ứng án phí: Chị Nguyễn Thị Mộng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo biên lai số: 0006116, ngày 26/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (19/08/2022). Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA